TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/ DSST
Ngày 11/06/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2/ - Bà Phạm Thị Lệ Hoa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân - Thư ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 11 tháng 06 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/ TLST- DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S G T T**

Địa chỉ: số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thái B – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S G T T – Chi nhánh Kiên Giang. Theo giấy ủy quyền số: 3808/2018/GUQ-PL ngày 29/11/2018.

Ông Phạm Thái B ủy quyền lại cho ông Trần Thanh T, sinh năm 1978, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Tân Hiệp (theo giấy ủy quyền số: 233/GUQ – CNKG ngày 08/03/2019) (có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thu H, sinh năm 1962 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp Đ P, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân Hàng TMCP S G T T – Đại diện theo ủy quyền ông Trần Thanh T trình bày: Căn cứ hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều: LD1410800529 và giấy nhận nợ số 1 ký ngày 18/4/2014 giữa Ngân hàng TMCP S G T T chi nhánh Kiên Giang – PGD Tân Hiệp với bà Phạm Thu H. Theo đó Ngân hàng TMCP S G T T chi nhánh Kiên Giang – PGD Tân Hiệp có cấp tín dụng cho bà Phạm Thu H vay vốn với các điều khoản chi tiết như sau: Số tiền vay 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay 48 tháng. Phương thức thanh toán: Vốn và lãi được chia thành 48 kỳ trả nợ, mỗi tháng thanh toán 1 kỳ là 2.595.000đ (hai triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng), thời điểm trả hết nợ: ngày 18/4/2018. Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay bà Phạm Thu H đã thanh toán cho Ngân hàng như sau: bà H trả cho Ngân hàng số tiền gốc 71.250.000đ (bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 27.360.000đ (hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Phạm Thu H vẫn không có thiện chí trả nợ. vì bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 26/4/2017 Ngân hàng TMCP S G T T đã chuyển toàn bộ số nợ vay của bà H sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử hôm nay ngày 11/06/2019 bà Phạm Thu H còn nợ ngân hàng số tiền là 30.062.250đ (ba mươi triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm lẻ năm mươi đồng) trong đó nợ gốc là 18.750.000đ (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), lãi trong hạn 9.941.500đ (chín triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng), lãi quá hạn 1.370.750đ (một triệu ba trăm bảy mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu trả nợ, đốc thúc đến hạn thanh toán nhưng đến nay bên vay vốn vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy bên vay đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ đã ký kết trong hợp đồng tín dụng.

Nay Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thu H trả nợ cho ngân hàng TMCP S G T T tổng số tiền là 30.062.250đ (ba mươi triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng) – (theo bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng ngày 11/06/2019 của ngân hàng TMCP S G T T bút lục số 45), trong đó tiền gốc là 18.750.000đ (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi trong hạn tính đến

ngày hôm nay 11/06/2019 là 9.941.500đ (chín triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày hôm nay 11/06/2019 là 1.370.750đ (một triệu ba trăm bảy mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng vay đã ký, trong quá trình giải quyết cho đến khi bà Phạm Thu H trả hết nợ cho ngân hàng TMCP S G T T.

Bị đơn bà Phạm Thu H trình bày: do bà Phạm Thu H vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** bà Phạm Thu H với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay bà H vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Phạm Thu H, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thu H là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân Hàng TMCP S G T T với bà Phạm Thu H là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh T yêu cầu giải quyết buộc bà Phạm Thu H trả nợ cho ngân hàng TMCP S G T T tổng số tiền gốc và lãi là 30.062.250đ (ba mươi triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì tại thời điểm vào ngày 18/04/2014 bà Phạm Thu H có vay của Ngân Hàng TMCP S G T T số tiền là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), thời hạn vay là 48 tháng đối với hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều: LD1410800529 ngày 18/4/2014, lãi suất 0,8%/tháng, hàng tháng ngân hàng có điều chỉnh lãi suất cho vay (nếu có) với mức lãi suất điều chỉnh không quá mức lãi suất cho vay tương ứng được quy định tại khung lãi suất do ngân hàng ban hành tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Phương thức thanh toán: vốn và lãi được chia thành 48 kỳ trả nợ mỗi tháng bà H phải thanh toán 01 kỳ là 2.595.000đ (hai triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng), thời điểm trả hết nợ vào ngày 18/04/2018 nhưng từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến nay thì bà H chỉ trả cho ngân hàng TMCP S G T T số tiền là 98.610.000đ (chín mươi tám triệu sáu trăm mười nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 71.250.000đ (bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 27.360.000đ (hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng từ đó cho đến nay thì bà H vẫn chưa trả thêm tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng TMCP S G T T, mặc dù ngân hàng có đến đòi nợ nhiều lần nhưng bà H không thực hiện việc trả nợ.

Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thu H trả cho Ngân Hàng TMCP S G T T số tiền gốc là 18.750.000đ (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày hôm nay 11/06/2019 là 9.941.500đ (chín triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày hôm nay 11/06/2019 là 1.370.750đ (một triệu ba trăm bảy mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng) – (theo bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng ngày

11/06/2019 của ngân hàng TMCP S G T T bút lục số 45). Tổng cộng tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 30.062.250đ (ba mươi triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm lẻ năm mươi đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều: LD1410800529 ngày 18/4/2014 đã ký giữa hai bên, trong quá trình giải quyết cho đến khi bà Phạm Thu H trả hết nợ cho ngân hàng TMCP S G T T. Lời yêu cầu của ông Trần Thanh T phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí DSST: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP S G T T được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP S G T T không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền là 718.000đ (bảy trăm mười tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005333 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Phạm Thu H phải nộp: 30.062.250đ x 5% = 1.503.112đ tính tròn là 1.503.000đ (một triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 463 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S G T T.

3/ Buộc bà Phạm Thu H trả cho Ngân hàng TMCP S G T T tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là 30.062.250đ (ba mươi triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD1410800529 ngày 18/04/2014 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S G T T thì lãi suất mà bà Phạm Thu H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S G T T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S G T T.

4/ Về án phí DSST:

- Buộc bà Phạm Thu H nộp 1.503.000đ (một triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền là 718.000đ (bảy trăm mười tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005333 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho Ngân hàng TMCP S G T T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bà Phạm Thu H biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật